|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **Tổ: Xã hội** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **MÔN ĐỊA LÍ 6**  **Năm học: 2020-2021**  ***(Thời gian: 45 phút)*** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Đánh giá về sự tiếp thu kiến thức của học sinh sau khi học xong các nội dung: vị trí, hình dạng, kích thước của Trái Đất, tỉ lệ bản đồ, phương hướng và tọa độ địa lí, kí hiệu bản đồ.

**2. Kĩ năng:**Vận dụng các kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá về tọa độ địa lí các điểm có trên bản đồ.

**3.Thái độ:** Nghiêm túc trong giờ kiểm tra.Ý thức tự giác chủ động trong học tập

**II. MA TRẬN ĐỀ.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên chủ đề** | **Nhận biết**  **(40%)** | | **Thông hiểu**  **(30%)** | | **Vận dụng**  **(20%)** | **Vận dụng cao**  **(10%)** | **Cộng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TL** | **TL** |
| **1. Vị trí, hình dạng và kích thước của Trái Đất.** | *4 câu*  *1 điểm* | *1 câu 2 điểm* | *1 câu*  *0.25 điểm* |  |  |  | *6 câu*  *3.25 điểm* |
| **2. Tỉ lệ bản đồ** |  |  | *2 câu*  *0.5 điểm* |  | *1 câu*  *2 điểm* |  | *3 câu*  *2.5 điểm* |
| **3. Phương hướng và tọa độ địa lí trên bản đồ** | *3 câu*  *0.75 điểm* |  | *4 câu*  *1điểm* |  |  | *1 câu*  *1 điểm* | *8 câu*  *2.75 điểm* |
| **4. Kí hiệu bản đồ** | *1 câu*  *0.25 điểm* |  | *5 câu*  *1.25 điểm* |  |  |  | *6 câu*  *1.5 điểm* |
| **Tổng** | *8 câu*  *2 điểm* | *1 câu*  *2 điểm* | *12 câu*  *3 điểm* |  | *1 câu*  *2 điểm* | *1 câu*  *1 điểm* | *23 câu*  *10 điểm* |

**III. NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA (đính kèm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người ra đề**  **Đỗ Thị Hải** | **Nhóm trưởng**  **Trương Thị Tố Uyên** | **Tổ trưởng**  **Phạm Hương** | **Ban giám hiệu**  **Cung Lan Hương** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: XÃ HỘI**  **Mã đề: 01** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ ĐỊA LÍ 6**  **Thời gian: 45 phút**  **Năm học: 2020-2021** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM. (5 điểm)**

*Học sinh tô vào đáp án đúng trong phiếu trả lời câu hỏi trắc nghiệm.*

**Câu 1.** Để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, người ta thường dùng mấy loại kí hiệu?

**A.** 3. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 6.

**Câu 2.** Đường đồng mức là những đường nối những điểm:

**A.** xung quanh chúng. **B.** ở gần nhau.

**C.** có cùng một độ cao, độ sâu. **D.** cao nhất trên bề mặt trái đất.

**Câu 3.** Cho bản đồ sử dụng tỉ lệ số, để tính khoảng cách của 2 địa điểm cụ thể trên bản đồ ra thực tế, ta phải:

**A.** đối chiếu khoảng cách trên bản đồ với thước tỉ lệ.

**B.** lấy khoảng cách trên bản đồ nhân với mẫu số tỉ lệ.

**C.** lấy khoảng cách trên bản đồ nhân với tỉ lệ số.

**D.** lấy khoảng cách trên bản đồ đổi ra đơn vị km.

**Câu 4.** Các đường đồng mức càng gần nhau thì địa hình càng:

**A.** thoải. **B.** dốc. **C.** thấp. **D.** bằng phẳng

**Câu 5.** Để thể hiện ranh giới quốc gia người ta dùng kí hiệu:

**A.** điểm. **B.** đường. **C.** diện tích. **D.** hình học.

**Câu 6.** Khi đọc hiểu nội dung bản đồ thì bước đầu tiên là:

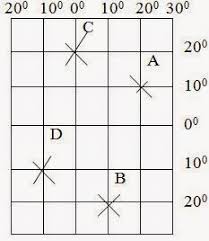
**A.** xem tỉ lệ. **B.** đọc độ cao trên đường đồng mức.

**C.** tìm phương hướng. **D.** đọc chú giải.

**Câu 7.** Kí hiệu đường thường dùng để thể hiện những đối tượng

**A.** phân bố theo diện tích. **B.** có diện tích tương đối nhỏ.

**C.** phân bố theo chiều dài là chính. **D.** tập trung ở những khu vực nhất định.

**Câu 8.** Trong hình bên, điểm A có tọa độ bao nhiêu?

**A.** A(10oB, 20oĐ). **B.** A(20oĐ, 10oB).

**C.** A(20oT, 10oB) **D.** A(20oĐ 10oN).

**Câu 9.** Cách viết nào sau đây biểu hiện đúng tọa độ địa lí điểm B?

**A.** B(10oĐ, 20oB) **B.** B(10oT, 20oB)

**C.** B(10oĐ, 20oN) **D.** B(10oT, 20oN)

**Câu 10.** Trong hình bên, tọa độ (10oT, 10oN) là điểm:

**A.** D. **B.** C. **C.** B. **D.** A.

**Câu 11.** Để thể hiện sân bay, bến cảng lên bản đồ người ta dùng kí hiệu:

**A.** điểm. **B.** đường. **C.** diện tích. **D.** hình học.

**Câu 12.** Theo quy ước thì đầu bên trái của vĩ tuyến chỉ hướng:

**A.** Đông. **B.** Tây. **C.** Nam. **D.** Bắc.

**Câu 13.** Theo quy ước thì đầu phía trên của kinh tuyến chỉ hướng:

**A.** Đông. **B.** Tây. **C.** Nam. **D.** Bắc.

**Câu 14.** Nếu mỗi vĩ tuyến cách nhau 10o , thì trên quả Địa Cầu sẽ có bao nhiêu vĩ tuyến?

**A.** 18. **B.** 19. **C.** 20. **D.** 21.

**Câu 15.** Trái Đất có dạng hình:

**A.** vuông. **B.** cầu. **C.** tam giác. **D.** chữ nhật.

**Câu 16.** Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ:

**A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 17.** Kinh tuyến là:

**A.** đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu, có độ dài bằng nhau.

**B.** các đường có độ dài bằng nhau và đi qua mọi điểm trên quả Địa Cầu.

**C.** các đường nối liền 2 cực bắc và cực nam trên quả Địa Cầu.

**D.** các đường nối liền 2 cực bắc và nam trên quả Địa Cầu, có độ dài khác nhau.

**Câu 18.** Kinh tuyến gốc là kinh tuyến:

|  |
| --- |
| **A.** (00) đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh). |
| **B.** có độ dài lớn nhất trong các đường kinh tuyến. |
| **C.** vuông góc với các đường vĩ tuyến trên quả Địa Cầu. |
| **D.** quy ước là 1800, đi qua đài thiên văn Grin-uyt của Anh. |

**Câu 19.** Kinh độ của một điểm là khoảng cách:

|  |
| --- |
| **A.** từ xích đạo đến kinh tuyến đi qua điểm đó. |
| **B.** từ kinh tuyến đến kinh tuyến 0°. |
| **C.** bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc. |
| **D.** từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó. |

**Câu 20.** Trong các tỉ lệ bản đồ sau, tỉ lệ bản đồ nào lớn nhất?

**A.** 1:150000. **B.** 1:250000. **C.** 1:1500000. **D.** 1:2500000.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)**

**Câu 1: (2 điểm)** Vĩ tuyến là gì? Vĩ tuyến gốc là gì?

**Câu 2: (2 điểm)** Trên tờ bản đồ tỉ lệ 1:200.000, người ta đo được khoảng cách giữa Hà Nội - Hải Dương là 5 cm. Hãy cho biết khoảng cách trên thực địa giữa Hà Nội - Hải Dương là bao nhiêu km?

**Câu 3: (1 điểm)** Nhà bạn Lan ở Hà Nội dự định đi du lịch Thành phố Hồ Chí Minh bằng ô tô. Hãy cho biết bạn Lan phải đi theo hướng nào để đến thành phố Hồ Chí Minh?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: XÃ HỘI**  **Mã đề: 02** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ ĐỊA LÍ 6**  **Thời gian: 45 phút**  **Năm học: 2020-2021** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM.(5 điểm)**

*Học sinh tô vào đáp án đúng trong phiếu trả lời câu hỏi trắc nghiệm.*

**Câu 1:** Để thể hiện sân bay, bến cảng lên bản đồ người ta dùng kí hiệu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** diện tích. | **B.** điểm. | **C.** đường. | **D.** khoanh vùng. |

**Câu 2:** Kinh tuyến gốc là kinh tuyến:

|  |
| --- |
| **A.** quy ước là 180°, đi qua đài thiên văn Grin-uyt của Anh. |
| **B.** có độ dài lớn nhất trong các đường kinh tuyến. |
| **C.** vuông góc với các đường vĩ tuyến trên quả Địa Cầu. |
| **D.** (0°) đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh). |

**Câu 3:** Kinh độ của một điểm là khoảng cách:

|  |
| --- |
| **A.** từ xích đạo đến kinh tuyến đi qua điểm đó. |
| **B.** từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó. |
| **C.** tính bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc. |
| **D.** từ kinh tuyến đến kinh tuyến 0°. |

**Câu 4:** Trái Đất có hình dạng hình:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** vuông. | **B.** tròn. | **C.** cầu. | **D.** chữ nhật. |

**Câu 5:** Theo quy ước thì đầu bên trái của vĩ tuyến chỉ hướng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Bắc. | **B.** Nam. | **C.** Đông. | **D.** Tây. |

**Câu 6:** Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 3. | **B.** 5. | **C.** 4. | **D.** 2. |

**Câu 7:** Nếu mỗi vĩ tuyến cách nhau 10°, thì trên quả Địa Cầu sẽ có bao nhiêu vĩ tuyến?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 18. | **B.** 20. | **C.** 19. | **D.** 21. |

**Câu 8:** Cho bản đồ sử dụng tỉ lệ số, để tính khoảng cách của 2 địa điểm cụ thể trên bản đồ ra

thực tế, ta phải:

|  |
| --- |
| **A.** lấy khoảng cách trên bản đồ nhân với tỉ lệ số. |
| **B.** lấy khoảng cách trên bản đồ đổi ra đơn vị km. |
| **C.** đối chiếu khoảng cách trên bản đồ với thước tỉ lệ. |
| **D.** lấy khoảng cách trên bản đồ nhân với mẫu số tỉ lệ. |

**Câu 9:** Để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, người ta thường dùng mấy loại kí hiệu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 3 loại. | **B.** 6 loại. | **C.** 4 loại. | **D.** 5 loại. |

**Câu 10:** Trong các tỉ lệ bản đồ sau, tỉ lệ bản đồ nào lớn nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 1:500000. | **B.** 1:250000. | **C.** 1:150000. | **D.** 1:1000000. |

**Câu 11:** Kinh tuyến là:

|  |
| --- |
| **A.** đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu, có độ dài bằng nhau. |
| **B.** các đường có độ dài bằng nhau và đi qua mọi điểm trên quả Địa Cầu. |
| **C.** các đường nối liền 2 cực bắc và cực nam trên quả Địa Cầu. |
| **D.** các đường nối liền 2 cực bắc và nam trên quả Địa Cầu, có độ dài khác nhau. |

**Câu 12:** Để thể hiện ranh giới quốc gia người ta dùng kí hiệu:

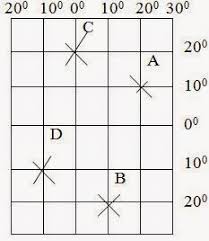
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** đường. | **B.** hình học. | **C.** diện tích. | **D.** điểm. |

**Câu 13:** Theo quy ước thì đầu phía trên của kinh tuyến chỉ hướng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Bắc. | **B.** Nam. | **C.** Đông. | **D.** Tây. |

**Câu 14:** Kí hiệu đường thường dùng để thể hiện những đối tượng:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** phân bố theo diện tích. | **B.** có diện tích tương đối nhỏ. |
| **C.** phân bố theo chiều dài là chính. | **D.** tập trung ở những khu vực nhất định. |

**Câu 15:** Trong hình bên, điểm A có tọa độ bao nhiêu?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** A(10oB, 20oĐ) | **B.** A( 20oĐ, 10oB) |
| **C.** A(20oT, 10oB) | **D.** A(20oĐ 10oN) |

**Câu 16:** Trong hình bên, tọa độ (10oT, 10oN) là điểm:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** D | **B.** A |
| **C.** B | **D.** C |

**Câu 17:** Đường đồng mức là những đường nối những điểm:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** xung quanh chúng. | **B.** có cùng một độ cao, độ sâu. |
| **C.** cao nhất trên bề mặt trái đất. | **D.** ở gần nhau. |

**Câu 18:** Các đường đồng mức càng gần nhau thì địa hìnhcàng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** bằng phẳng. | **B.** dốc. | **C.** thoải. | **D.** thấp. |

**Câu 19:** Cách viết nào sau đây biểu hiện đúng tọa độ địa lí điểm C?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** C(0o, 30oĐ) | **B.** C(0o, 20oB) | **C.** C(0o, 20oN) | **D.** C(0o, 30oT) |

**Câu 20:** Khi đọc hiểu nội dung bản đồ thì bước đầu tiên là

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** xem tỉ lệ. | **B.** đọc độ cao trên đường đồng mức. |
| **C.** tìm phương hướng. | **D.** đọc chú giải. |

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1: (2 điểm)** Vĩ tuyến là gì? Vĩ tuyến gốc là gì?

**Câu 2: (2 điểm)** Trên tờ bản đồ tỉ lệ 1:200.000, người ta đo được khoảng cách giữa Hà Nội - Hải Dương là 5 cm. Hãy cho biết khoảng cách trên thực địa giữa Hà Nội - Hải Dương là bao nhiêu km?

**Câu 3: (1 điểm)** Nhà bạn Hòa ở Hà Nội dự định đi du lịch Thành phố Hồ Chí Minh bằng ô tô. Em hãy cho biết bạn Hòa phải đi theo hướng nào để đến thành phố Hồ Chí Minh?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: XÃ HỘI**  **Mã đề: 03** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ ĐỊA LÍ 6**  **Thời gian: 45 phút**  **Năm học: 2020-2021** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM. (5 điểm)**

*Học sinh tô vào đáp án đúng trong phiếu trả lời câu hỏi trắc nghiệm.*

**Câu 1.** Khi đọc hiểu nội dung bản đồ thì bước đầu tiên là:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** xem tỉ lệ. | **B.** đọc chú giải. |
| **C.** đọc độ cao trên đường đồng mức. | **D.** tìm phương hướng. |

**Câu 2:** Cho bản đồ sử dụng tỉ lệ số, để tính khoảng cách của 2 địa điểm cụ thể trên bản đồ ra thực tế, ta phải:

|  |
| --- |
| **A.** lấy khoảng cách trên bản đồ đổi ra đơn vị km. |
| **B.** lấy khoảng cách trên bản đồ nhân với tỉ lệ số. |
| **C.** lấy khoảng cách trên bản đồ nhân với mẫu số tỉ lệ. |
| **D.** đối chiếu khoảng cách trên bản đồ với thước tỉ lệ. |

**Câu 3:** Theo quy ước thì đầu bên trái của vĩ tuyến chỉ hướng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Đông. | **B.** Nam. | **C.** Bắc. | **D.** Tây. |

**Câu 4:** Kinh độ của một điểm là khoảng cách:

|  |
| --- |
| **A.** từ kinh tuyến đến kinh tuyến 0°. |
| **B.** từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó. |
| **C.** từ xích đạo đến kinh tuyến đi qua điểm đó. |
| **D.** tính bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc. |

**Câu 5:** Trong các tỉ lệ bản đồ sau, tỉ lệ bản đồ nào lớn nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 1:500000 | **B.** 1:1000000 | **C.** 1:150000 | **D.** 1:250000 |

**Câu 6:** Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 4. | **B.** 5. | **C.** 3. | **D.** 2. |

**Câu 7:** Nếu mỗi vĩ tuyến cách nhau 10o, thì trên quả Địa Cầu sẽ có bao nhiêu vĩ tuyến?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 18. | **B.** 20. | **C.** 19. | **D.** 21. |

**Câu 8:** Trái Đất có dạng hình:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** chữ nhật. | **B.** tròn. | **C.** vuông. | **D.** cầu. |

**Câu 9:** Để thể hiện ranh giới quốc gia người ta dùng kí hiệu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** điểm. | **B.** hình học. | **C.** diện tích. | **D.** đường. |

**Câu 10:** Kinh tuyến là:

|  |
| --- |
| **A.** đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu, có độ dài bằng nhau. |
| **B.** các đường có độ dài bằng nhau và đi qua mọi điểm trên quả Địa Cầu. |
| **C**. các đường nối liền 2 cực bắc và cực nam trên quả Địa Cầu. |
| **D.** các đường nối liền 2 cực bắc và nam trên quả Địa Cầu, có độ dài khác nhau. |

**Câu 11:** Kí hiệu đường thường dùng để thể hiện những đối tượng:

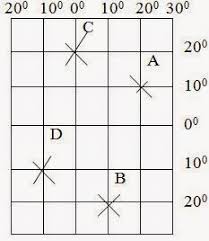
|  |  |
| --- | --- |
| **A.** phân bố theo diện tích. | **B.** có diện tích tương đối nhỏ. |
| **C.** phân bố theo chiều dài là chính. | **D.** tập trung ở những khu vực nhất định. |

**Câu 12:** Kinh tuyến gốc là kinh tuyến:

|  |
| --- |
| **A.** (0°) đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh). |
| **B.** quy ước là 180°, đi qua đài thiên văn Grin-uyt của Anh. |
| **C.** vuông góc với các đường vĩ tuyến trên quả Địa Cầu. |
| **D.** có độ dài lớn nhất trong các đường kinh tuyến. |

**Câu 13:** Theo quy ước thì đầu phía trên của kinh tuyến chỉ hướng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Đông | **B.** Nam | **C.** Bắc | **D.** Tây |

**Câu 14:** Trong hình bên, tọa độ (10oT, 10oN) là điểm:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** D | **B.** C |
| **C.** A | **D.** B |

**Câu 15:** Trong hình bên, điểm A có tọa độ bao nhiêu?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** A(10oB, 20oĐ) | **B.** A(20oĐ, 10oB) |
| **C.** A(20°T, 10°B) | **D.** A(20°Đ 10°N) |

**Câu 16:** Đường đồng mức là những đường nối những điểm:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** xung quanh chúng. | **B.** có cùng một độ cao, độ sâu. |
| **C.** cao nhất trên bề mặt trái đất. | **D.** ở gần nhau. |

**Câu 17:** Các đường đồng mức càng gần nhau thì địa hình càng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** bằng phẳng. | **B.** dốc. | **C.** thoải. | **D.** thấp. |

**Câu 18:** Cách viết nào sau đây biểu hiện đúng tọa độ địa lí điểm C?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** C(0o, 20oĐ) | **B.** C(0o, 20oT) | **C.** C(0o, 20oN) | **D.** C(0o, 20oB) |

**Câu 19:** Để thể hiện sân bay, bến cảng lên bản đồ người ta dùng kí hiệu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** điểm. | **B.** đường. | **C.** diện tích. | **D.** khoanh vùng. |

**Câu 20:** Để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, người ta thường dùng mấy loại kí hiệu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 6 loại. | **B.** 4 loại. | **C.** 5 loại. | **D.** 3 loại. |

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1: (2 điểm)** Vĩ tuyến là gì? Vĩ tuyến gốc là gì?

**Câu 2: (2 điểm)** Trên tờ bản đồ tỉ lệ 1:200.000, người ta đo được khoảng cách giữa Hà Nội - Hải Dương là 5 cm. Hãy cho biết khoảng cách trên thực địa giữa Hà Nội - Hải Dương là bao nhiêu km?

**Câu 3: (1 điểm)** Nhà bạn Hòa ở Hà Nội dự định đi du lịch Thành phố Hồ Chí Minh bằng ô tô. Em hãy cho biết bạn Hòa phải đi theo hướng nào để đến thành phố Hồ Chí Minh?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ: XÃ HỘI**  **Mã đề: 04** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ ĐỊA LÍ 6**  **Thời gian: 45 phút**  **Năm học: 2020-2021** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM. (5 điểm)**

*Học sinh tô vào đáp án đúng trong phiếu trả lời câu hỏi trắc nghiệm.*

**Câu 1.** Các đường đồng mức càng gần nhau thì địa hình càng:

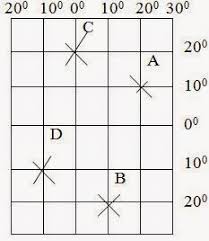
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** bằng phẳng. | **B.** dốc. | **C.** thoải. | **D.** thấp. |

**Câu 2:** Kí hiệu đường thường dùng để thể hiện những đối tượng

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** phân bố theo diện tích. | **B.** có diện tích tương đối nhỏ. |
| **C.** phân bố theo chiều dài là chính. | **D.** tập trung ở những khu vực nhất định. |

**Câu 3:** Đường đồng mức là những đường nối những điểm

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** xung quanh chúng. | **B.** có cùng một độ cao, độ sâu. |
| **C.** cao nhất trên bề mặt trái đất. | **D.** ở gần nhau. |

**Câu 4:** Trong hình bên, điểm A có tọa độ bao nhiêu?

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** A(10oB, 20oĐ) | **B. A**(20oĐ 10oN) |
| **C.** A( 20oĐ, 10oB) | **D. A**(20oT, 10oB) |

**Câu 5:** Trong hình bên, tọa độ (10oT, 10oN) là điểm:

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** D | **B.** C |
| **C.** A | **D.** B |

**Câu 6:** Cách viết nào sau đây biểu hiện đúng tọa độ địa lí điểm B?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** B(10oĐ, 20oN) | **B.** B(10oĐ, 20oB) | **C.** B(10oB, 20oĐ) | **D.** B(10oT, 20oN) |

**Câu 7:** Trái Đất có dạng hình:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** chữ nhật. | **B.** cầu. | **C.** vuông. | **D.** tròn. |

**Câu 8:** Nếu mỗi vĩ tuyến cách nhau 10o, thì trên quả Địa Cầu sẽ có bao nhiêu vĩ tuyến?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 21. | **B.** 19. | **C.** 18. | **D.** 20. |

**Câu 9:** Kinh tuyến là:

|  |
| --- |
| **A.** đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu, có độ dài bằng nhau. |
| **B.** các đường có độ dài bằng nhau và đi qua mọi điểm trên quả Địa Cầu. |
| **C.** các đường nối liền 2 cực bắc và cực nam trên quả Địa Cầu. |
| **D.** các đường nối liền 2 cực bắc và nam trên quả Địa Cầu, có độ dài khác nhau. |

**Câu 10:** Kinh tuyến gốc là kinh tuyến:

|  |
| --- |
| **A.** vuông góc với các đường vĩ tuyến trên quả Địa Cầu. |
| **B.** quy ước là 180o, đi qua đài thiên văn Grin-uyt của Anh. |
| **C.** (0°) đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh). |
| **D.** có độ dài lớn nhất trong các đường kinh tuyến. |

**Câu 11:** Kinh độ của một điểm là khoảng cách:

|  |
| --- |
| **A.** từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó. |
| **B.** từ kinh tuyến đến kinh tuyến 0o. |
| **C.** từ xích đạo đến kinh tuyến đi qua điểm đó. |
| **D.** tính bằng số độ từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc. |

**Câu 12:** Theo quy ước thì đầu phía trên của kinh tuyến chỉ hướng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Đông. | **B.** Nam. | **C.** Tây. | **D.** Bắc. |

**Câu 13:** Trong các tỉ lệ bản đồ sau, tỉ lệ bản đồ nào lớn nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 1:150000. | **B.** 1:500000. | **C.** 1:250000. | **D.** 1:1000000. |

**Câu 14:** Theo quy ước thì đầu bên trái của vĩ tuyến chỉ hướng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Đông. | **B.** Nam. | **C.** Bắc. | **D.** Tây. |

**Câu 15:** Để thể hiện ranh giới quốc gia người ta dùng kí hiệu:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** điểm. | **B.** diện tích. | **C.** đường. | **D.** hình học. |

**Câu 16:** Cho bản đồ sử dụng tỉ lệ số, để tính khoảng cách của 2 địa điểm cụ thể trên bản đồ ra thực tế, ta phải:

|  |
| --- |
| **A.** đối chiếu khoảng cách trên bản đồ với thước tỉ lệ. |
| **B.** lấy khoảng cách trên bản đồ nhân với mẫu số tỉ lệ. |
| **C.** lấy khoảng cách trên bản đồ nhân với tỉ lệ số. |
| **D.** lấy khoảng cách trên bản đồ đổi ra đơn vị km. |

**Câu 17:** Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 5. | **B.** 2. | **C.** 4. | **D.** 3. |

**Câu 18:** Để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ, người ta thường dùng mấy loại kíhiệu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** 6. | **B.** 5. | **C.** 4. | **D.** 3. |

**Câu 19:** Khi đọc hiểu nội dung bản đồ thì bước đầu tiên là

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** xem tỉ lệ. | **B.** đọc độ cao trên đường đồng mức. |
| **C.** đọc chú giải. | **D.** tìm phương hướng. |

**Câu 20:** Để thể hiện sân bay, bến cảng lên bản đồ người ta dùng kí hiệu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** điểm. | **B.** đường. | **C.** diện tích. | **D.** khoanh vùng. |

**II. PHẦN TỰ LUẬN**

Câu 1**: (2 điểm)** Vĩ tuyến là gì? Vĩ tuyến gốc là gì?

**Câu 2:** **(2 điểm)** Trên tờ bản đồ tỉ lệ 1:200.000, người ta đo được khoảng cách giữa Hà Nội - Hải Dương là 5 cm. Hãy cho biết khoảng cách trên thực địa giữa Hà Nội - Hải Dương là bao nhiêu km?

**Câu 3: (1 điểm)** Nhà bạn Lan ở Hà Nội dự định đi du lịch Thành phố Hồ Chí Minh bằng ô tô. Em hãy cho biết bạn Lan phải đi theo hướng nào để đến thành phố Hồ Chí Minh?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**  **TỔ XÃ HỘI** | **ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **MÔN ĐỊA LÍ 6**  **Năm học: 2020-2021** |

**I. Phần trắc nghiệm** **(5điểm):***Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  **Mã** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **01** | A | C | B | B | B | D | C | B | C | A |
| **02** | B | D | C | C | D | A | C | D | A | C |
| **03** | B | C | D | D | A | C | C | D | D | A |
| **04** | B | C | B | C | A | A | B | B | A | C |
|  | | | | | | | | | | |
| **Câu**  **Mã** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **01** | A | B | D | B | B | B | A | A | C | A |
| **02** | A | A | A | C | B | A | B | B | C | D |
| **03** | C | A | C | A | B | B | B | D | A | D |
| **04** | D | D | A | D | C | B | D | D | C | A |

**II. Phần tự luận (**5điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1: (2 diểm) Vĩ tuyến là gì? Vĩ tuyến gốc là gì?**  - Vĩ tuyến là những vòng tròn nằm ngang vuông góc với các kinh tuyến trên quả Địa Cầu, có độ dài khác nhau.  - Vĩ tuyến gốc (0o) là vĩ tuyến lớn nhất trên quả Địa Cầu, chia quả Địa Cầu thành 2 nửa bằng nhau: nửa cầu Bắc và nửa cầu Nam. Vĩ tuyến gốc còn gọi là Xích đạo. | **2 điểm**  1 điểm  1 điểm |
| **Câu 2: (2 điểm) Trên tờ bản đồ tỉ lệ 1:200.000, người ta đo được khoảng cách giữa Hà Nội - Hải Dương là 5cm. Hãy cho biết khoảng cách trên thực địa giữa Hà Nội - Hải Dương là bao nhiêu km?**   * Khoảng cách thực tế từ Hà Nội đến Hải Dương là:   5\*200000=10000000 (cm)  Đổi 10000000cm= 100km | **2 điểm**  2 điểm |
| **Câu 3: (1 điểm) Nhà bạn Hòa ở Hà Nội dự định đi du lịch Thành phố Hồ Chí Minh bằng ô tô. Hãy cho biết nhà bạn Hòa phải đi theo hướng nào để đến thành phố Hồ Chí Minh du lịch được?**  - Nhà bạn Hòa phải đi theo hướng từ Bắc đến Nam để đến thành phố Hồ Chí Minh du lịch. | **1điểm**  1 điểm |